

TOÀ ÁN N DÂN
TỈNH N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HC-ST
Ngày: 27/6/2024
V/v Khiếu kiện Quyết định Hnh
chính trong lĩnh vực quản lý nH
nước về đất đai.

N DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN N DÂN TỈNH N

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức C

Các Hội thẩm N dân: Ông Trần Văn K

Ông Nguyễn Hữu H

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng N - Thư ký Tòa án N dân tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị
Phương N - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án N dân tỉnh N xét xử sơ thẩm
công khai vụ án Hnh chính thụ lý số 02/2024/TLST-HC ngày 23 tháng 01 năm
2024 về việc “Khiếu kiện Quyết định Hnh chính trong lĩnh vực quản lý nH nước
về đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HC ngày
14 tháng 6 năm 2024;

* **Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Xóm
7, xã T, huyện V, tỉnh N.

* **Người bị kiện:** Ủy ban N dân huyện V, tỉnh N;

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Nguyễn Khắc X –
Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh N. Địa chỉ: Thị trấn G, huyện V, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của người
bị kiện: Ông Phạm Ngọc C - Phó Chủ tịch Ủy ban N dân huyện V, tỉnh N.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2002;
2. Cháu Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 2007;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Đạt và đại diện theo ủy quyền của cháu H là bà Nguyễn Thị Thu H. Cùng địa chỉ: Xóm 7, xã T, huyện V, tỉnh N.

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954;
4. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1968;

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, ông T là: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961; Cùng địa chỉ: Xóm 7, xã T, huyện V, tỉnh N.

5. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961;
6. Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: Xóm 7, xã T, huyện V, tỉnh N.

7. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Cầu G, xã Đ, huyện P, tHnh phố H

8. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 8A2/ Ngõ 106 đường N, phường T, tHnh phố N, tỉnh N.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Ngọc D, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị N có mặt. Ông Phạm Ngọc C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:* Cụ Nguyễn Ngọc L và cụ Bùi Thị N là bố mẹ đẻ của ông T có thửa đất với diện tích 779m² tại đội 7 (nay là xóm 7) xã T, huyện V, tỉnh N được thể hiện tại tờ bản đồ số 3 thửa 28 lập năm 2007. Năm 1996 bà Nguyễn Thị Thu H kết hôn với ông Nguyễn Ngọc T và ở cùng gia đình nH chồng từ đó đến nay. Ngày 20-9-2005, cụ Nguyễn Ngọc L và cụ Bùi Thị N đã chia tách quyền sử dụng diện tích đất trên cho vợ chồng bà H được quyền sử dụng 360m². Năm 2006 vợ chồng bà H xây dựng công trình phụ. Năm 2009 vợ chồng bà H xây dựng nH

trên mảnh đất. Ngày 25-02-2009 cụ Nguyễn Ngọc L chết; ngày 18-3-2012 cụ Bùi Thị N chết. Ngày 23-11-2021 ông Nguyễn Ngọc T chết.

Xét quá trình sử dụng đất thực tế của vợ chồng bà H; các văn bản chia tách tặng cho đất của bố mẹ chồng bà H năm 2005; biên bản chia thừa kế quyền sử dụng đất của tất cả anh chị em trong gia đình ngày 09-4-2012. Ngày 18-5-2012 UBND huyện V đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 445694 mang tên Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Thị Thu H, diện tích được cấp là 511m² trong đó loại đất ONT 270m²; đất LNK 92m² (2043); đất LNK 149m² (2013). Vị trí: Thửa 181 tờ bản đồ số 3 bản đồ xã T lập năm 2007. Việc UBND huyện V cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất là đúng trình tự, đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 2 Luật Đất đai năm 1993.

Tuy nhiên, ngày 27-7-2023 UBND huyện V ra Thông báo số 06/TB-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ đối với hộ bà Nguyễn Thị Thu H. Sau đó UBND huyện V đã ban Hành Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 01-8-2023 về việc thu hồi GCNQSDĐ, với lý do không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 106 Luật đất đai 2013.

Xét thấy, vợ chồng bà H đã được bố mẹ chồng tặng cho quyền sử dụng đất từ năm 2005 bằng việc có đơn xin chia tách quyền sử dụng đất. Việc tặng cho đã được đăng ký biến động, ghi tên vợ chồng bà H tại các bản đồ thửa đất. Vợ chồng bà đã xây dựng nH, công trình trên đất, thực hiện các nghĩa vụ với nH nước trong quá trình sử dụng đất và sử dụng ổn định từ đó đến nay. Việc sử dụng đất của vợ chồng bà H còn được thể hiện bằng ý chí của anh chị em trong gia đình bằng biên bản chia thừa kế quyền sử dụng đất ngày 09-4-2012 và được tất cả anh chị em trong gia đình đã ký xác nhận. Trong quá trình làm hồ sơ, cán bộ địa chính xã ghi sai ngày trong biên bản chia thừa kế từ ngày 09-4-2012 thành ngày 10-3-2012 nhưng việc ghi sai ngày này cũng không ảnh hưởng đến ý chí của bố mẹ chồng bà H cùng các anh chị em trong gia đình nH chồng đồng ý để ông Nguyễn Ngọc T thừa kế diện tích 511m² tại thửa 181 tờ bản đồ số 3 bản đồ xã T lập năm 2007. Do vậy, UBND huyện V ban Hành Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 01-8-2023 về việc thu hồi GCNQSDĐ trên là không đúng quy định điểm d khoản 2 điều 106 Luật đất đai 2013, xâm phạm đến quyền lợi của gia đình bà Nguyễn Thị Thu H. Ngoài ra, Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 01-8-2023 của UBND huyện V còn không đúng đối tượng vì gia đình bà H được UBND huyện V cấp

GCNQSDĐ, quyền sở hữu NH ở và tài sản khác gắn liền với đất chứ không phải là GCNQSDĐ như ghi trong quyết định. Sau khi nhận được quyết định, bà H đã khiếu nại Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 01-8-2023 của UBND huyện V về việc thu hồi GCNQSDĐ nhưng không có kết quả.

Do vậy, bà Nguyễn Thị Thu H làm đơn khởi kiện đối với quyết định Hành chính của UBND huyện V, yêu cầu Tòa án Hủy Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 01-8-2023 của UBND huyện V về việc thu hồi GCNQSDĐ.

** Tại công văn số 239/UBND-TNMT ngày 22-3-2024 và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của UBND huyện V trình bày:*

Thửa đất do gia đình bà H (có chồng là ông Nguyễn Ngọc T đã chết) đang sử dụng được tách từ thửa đất đứng tên cụ Nguyễn Ngọc L được đăng ký trên hồ sơ 299. Theo hồ sơ đo đạc khu dân cư năm 2007, cụ Nguyễn Ngọc L cùng với vợ là cụ Bùi Thị N đã kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ, được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ mang số hiệu BA 946452 cấp ngày 24-12-2009 số vào sổ CH 00235/3067/QĐ-UBND. Về việc rà soát hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ bà H thì cụ Nguyễn Ngọc L chết vào ngày 25-02-2009, trước khi chết ông L không để lại di chúc cũng như không chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ai. Đến ngày 05-3-2012 các con của cụ L gồm (Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị N) họp phân chia quyền thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Ngọc L để lại. Các anh chị em đã thống nhất để cho ông Nguyễn Ngọc T sử dụng 511m² gồm ONT 270m²; CLN 241m²; ông Nguyễn Ngọc T sử dụng 268m². Ông Nguyễn Ngọc T đã đăng ký kê khai và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V thẩm định, trình UBND huyện V cấp GCNQSDĐ tại Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 18-5-2012.

Quá trình sử dụng đất, giữa bà H và các anh chị em không thống nhất được lối đi vào thửa đất NH bà H, nên xảy ra tranh chấp, không hoà giải được. Do vậy bà H đã làm đơn khởi kiện vụ án dân sự và đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp trên, ngoài ra bà H còn có đơn yêu cầu huỷ GCNQSDĐ đã được cấp. UBND huyện V đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kiểm tra thực địa, rà soát thủ tục, hồ sơ cấp GCNQSDĐ liên quan đến thửa đất của cụ L (đã chia tách cho ông T và

ông T chồng bà H). Kết quả, có phát hiện ra một số sai sót trong quá trình lập hồ sơ, cụ thể như sau:

+ Biên bản thống nhất phân chia thừa kế quyền sử dụng đất thiếu tHnh phần là cụ Bùi Thị N vợ cụ Nguyễn Ngọc L (theo giấy chứng tử bà N chết ngày 18-3-2012). Biên bản lập ngày 05-3-2012 lúc này bà N chưa chết.

+ Không thực hiện việc đo đạc tách thửa đất theo quy định.

+ Trích lục bản đồ địa chính không phù hợp với thực tế giữa các hộ đang sử dụng đất (nh ông T đã làm, đang ở nhưng lại đưa vào đất cấp cho ông T).

+ Hồ sơ cấp GCNQSDĐ đi kèm không thực hiện công khai (nhất là thủ tục phân chia thừa kế).

Từ những sai sót trong quá trình cấp GCNQSDĐ cho hộ ông T, hộ ông T (chồng bà H). UBND huyện V đã ban Hành Quyết định thu hồi 02 GCNQSDĐ đã cấp và hướng dẫn gia đình thực hiện thủ tục phân chia thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra, quá trình làm việc, UBND huyện cũng được bà H cung cấp một tờ đơn xin chia tách quyền sử dụng đất được xác lập từ năm 2005. Qua xem xét, việc chia tách này chưa được thực hiện theo quy định, diện tích tính không tương thích với kích thước trong sơ đồ. Tuy nhiên năm 2007 khi đo đạc lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ trên địa bàn xã T, cụ L vẫn đứng tên kê khai T bộ thửa đất và đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ năm 2009. Từ những nội dung nêu trên, UBND huyện V xác định việc ban Hành Quyết định 1829/QĐ-UBND ngày 01-8-2023 về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông Nguyễn Ngọc T cùng với vợ là Nguyễn Thị Thu H là đúng quy định của pháp luật. UBND huyện V đề nghị Tòa án N dân tỉnh N xem xét, giải quyết không chấp nhận nội dung khiếu kiện quyết định Hành chính của bà Nguyễn Thị Thu H.

** Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Ngọc D, bà Nguyễn Thị X cùng thống nhất trình bày: Về nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ (cụ L và cụ N) để lại chứ không phải của vợ chồng bà H tự tạo dựng mà có. Trong biên bản họp gia đình ngày 5-3-2012, các tHnh viên trong gia đình có ký tên vào biên bản họp gia đình vì bà H chỉ nói rằng ký vào biên bản để vợ chồng bà H làm GCNQSDĐ chứ không nói rõ ký để chia thừa kế quyền sử dụng đất do bố mẹ để lại. Nếu bà N, ông T, ông D biết rõ nội dung như thế từ đầu thì các ông bà đã*

không ký vào biên bản. Hơn nữa trong biên bản mà vợ chồng bà H cung cấp cho chính quyền lại có chữ ký của các anh chị em trong gia đình và có chữ ký của bà Nguyễn Thị X, trong khi đó bà Nguyễn Thị X không có mặt tại buổi họp gia đình hôm đó (nên chữ ký này là chữ ký giả mạo). Vậy nên biên bản họp gia đình ngày 5-3-2012 không có giá trị pháp lý. Do vậy các ông bà cho rằng quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 01-8-2023 của UBND huyện V về việc thu hồi GCNQSDĐ số B6445694 đứng tên hộ ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thu H là hoàn toàn T có căn cứ. Bà N, bà X, ông D, ông T cho rằng UBND huyện V đã làm đúng theo quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

Ngoài ra bà Nguyễn Thị X xác nhận. Trong biên bản họp gia đình ngày 5-3-2012 các thành viên có ký vào biên bản họp. Biên bản mà gia đình bà H cung cấp cho chính quyền lại có tên của bà X là không đúng sự thật vì buổi họp gia đình hôm đó bà không về được nên không có mặt, nên bà H giả mạo chữ ký của bà. Do vậy biên bản ngày 5-3-2012 không có giá trị pháp lý.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 01-8-2023 của UBND huyện V về việc thu hồi GCNQSDĐ số BG 445694 do UBND huyện V cấp ngày 18-5-2012 đứng tên hộ ông Nguyễn Ngọc T cùng với vợ là bà Nguyễn Thị Thu H tại địa chỉ xóm 7, xã T, huyện V, tỉnh N có diện tích 511m²; Loại ONT 270m²; đất LNK 92m² (2043); đất LNK 149m²(2013). Vị trí: Thửa 181 tờ bản đồ số 3 bản đồ xã T lập năm 2007. Bà H cũng xác nhận tại cuộc họp gia đình ngày 05-3-2012 bà X không có mặt nhưng cũng không hiểu tại sao tại biên bản họp này lại có chữ ký của bà X.

Tại đơn xét xử vắng mặt, ông Phạm Ngọc C là người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của người bị kiện đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H về việc đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 01-8-2023 của UBND huyện V đối với việc thu hồi GCNQSDĐ số BG 445694 do UBND huyện V cấp ngày 18-5-2012 đứng tên hộ ông Nguyễn Ngọc T cùng với vợ là bà Nguyễn Thị Thu H tại địa chỉ xóm 7, xã T, huyện V, tỉnh N.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T; ông Nguyễn Ngọc D; bà Nguyễn Thị X; bà Nguyễn Thị N đều đề nghị HĐXX

không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H về việc đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 01-8-2023 của UBND huyện V đối với việc thu hồi GCNQSDĐ số BG 445694 do UBND huyện V cấp ngày 18-5-2012 đứng tên hộ ông Nguyễn Ngọc T cùng với vợ là bà Nguyễn Thị Thu H tại địa chỉ xóm 7, xã T, huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh N phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành quyền, nghĩa vụ của các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Luật Tổ tụng Hình chính.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hình chính, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H về việc đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 01-8-2023 của UBND huyện V ban hành về việc thu hồi GCNQSDĐ số BG 445694 do UBND huyện V cấp ngày 18-5-2012 đứng tên hộ ông Nguyễn Ngọc T cùng với vợ là bà Nguyễn Thị Thu H tại địa chỉ xóm 7, xã T, huyện V, tỉnh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thu H **khởi** kiện Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 01-8-2023 của UBND huyện V về việc thu hồi GCNQSDĐ số BG 445694 do UBND huyện V cấp ngày 18-5-2012 đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà Nguyễn Thị Thu H. Đây là quyết định Hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai nên thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án Hành chính và thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do vậy, Tòa án N dân tỉnh N thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115 Luật Tổ tụng Hình chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 01-8-2023 UBND huyện V ban hành Quyết định số 1829/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ số BG 445694 do

UBND huyện V cấp ngày 18-5-2012 đứng tên hộ ông Nguyễn Ngọc T cùng với vợ là bà Nguyễn Thị Thu H. Ngày 20-11-2023 bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện ra Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hình chính thì yêu cầu khởi kiện vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Về việc xác định tư cách đương sự trong vụ án: Các đương sự là người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án ghi trong Bản án là đúng theo quy định tại khoản 8, 9, 10 Điều 3 Luật Tố tụng Hình chính.

[1.4] Về ủy quyền và việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Việc ủy quyền tham gia tố tụng của các đương sự đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà H, ông T, ông D, bà X, bà N có mặt. Ông Chi có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng Hình chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 01-8-2023 của UBND huyện V ban hành về việc thu hồi GCNQSDĐ số BG 445694 do UBND huyện V cấp ngày 18-5-2012 đứng tên hộ ông Nguyễn Ngọc T cùng với vợ là bà Nguyễn Thị Thu H.

[2.1] Về nguồn gốc thửa đất, trình tự cấp GCNQSDĐ và quá trình sử dụng: Thửa đất do gia đình bà H (chồng là Nguyễn Ngọc T đã chết) đang sử dụng được các đương sự xác nhận là tách từ thửa đất đứng tên cụ Nguyễn Ngọc L được đăng ký trên hồ sơ 299. Theo hồ sơ đo đạc khu dân cư năm 2007, cụ Nguyễn Ngọc L cùng với vợ là cụ Bùi Thị N đã kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ và được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ mang số hiệu BA 946452 cấp ngày 24-12-2009 số vào sổ CH 00235/3067/QĐ-UBND. Cụ Nguyễn Ngọc L chết vào ngày 25-02-2009, trước khi chết cụ L không để lại di chúc cũng như không chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ai. Ngày 05-3-2012 các con của cụ Nguyễn Ngọc L gồm (Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị N) họp phân chia quyền thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Ngọc L để lại. Các con đã thống nhất để cho ông Nguyễn Ngọc T sử dụng 511 m² gồm ONT 270 m²; CLN 241 m²; ông Nguyễn Ngọc T sử dụng 268 m². Ông Nguyễn Ngọc T đã kê khai và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V thẩm định. Tại Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 18-5-2012 UBND huyện V đã cấp GCNQSDĐ cho ông T.

[2.2] Về trình tự thu hồi GCNQSDĐ: Sau khi được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ, quá trình sử dụng đất các anh chị em trong gia đình đã không thống nhất được với nhau trong việc phân định rõ ngõ đi dẫn đến tranh chấp xảy ra. Bà H có đơn khởi kiện vụ án dân sự và đề nghị UBND huyện V hủy các GCNQSDĐ đã cấp cho các đương sự. Quá trình rà soát, xét thấy việc cấp GCNQSDĐ cho các đương sự chưa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Ngày 27-7-2023, UBND huyện V ra Thông báo số 06/TB-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ đối với hộ bà Nguyễn Thị Thu H. UBND huyện V đã ban Hành Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 01-8-2023 về việc thu hồi GCNQSDĐ với nội dung: “Thu hồi GCNQSDĐ số BG 445694 do UBND huyện V cấp ngày 18-5-2012 đứng tên hộ ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thu H có diện tích 511m² Loại ONT 270m²; đất LNK 92 m² (2043); đất LNK 149 m² (2013). Vị trí thửa 181 tờ bản đồ số 3 bản đồ xã T lập năm 2007. Lý do thu hồi là không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 106 Luật đất đai 2013.”

[2.3] Về căn cứ của việc thu hồi GCNQSDĐ: Căn cứ vào quy định của pháp luật đất đai năm 2003 tại thời điểm cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Ngọc T và hộ bà Nguyễn Thị Thu H là chưa đảm bảo về thủ tục theo quy định của pháp luật, bởi lẽ: Khi xảy ra tranh chấp vì không thống nhất giữa lối đi vào thửa đất nH bà H và không thể hoà giải được. Bà H đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp và yêu cầu hủy GCNQSDĐ. Sau khi bà H có đơn yêu cầu, UBND huyện V đã chuyển cơ quan chuyên môn rà soát thủ tục, kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSDĐ liên quan đến thửa đất của cụ L (đã chia tách cho ông T; ông T là chồng bà H) và đã phát hiện những sai sót trong quá trình lập hồ sơ. Cụ thể:

- Tại biên bản thống nhất phân chia thừa kế quyền sử dụng đất là thiếu tHnh phần vì thời điểm này cụ Bùi Thị N là vợ cụ Nguyễn Ngọc L, lúc này bà N chưa chết (theo giấy chứng tử bà N chết ngày 18-3-2012), trong khi đó biên bản lập ngày 05-3-2012. Chứng tỏ, thời điểm này bà N chưa chết nhưng lại không được tham gia nên không có chữ ký xác nhận của cụ N, trong khi đó một nửa diện tích thửa đất thuộc quyền sở hữu của cụ N. Hơn nữa, tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bản thân bà H đều xác nhận là khi họp gia đình ngày 5-3-2012 thì bà X vắng mặt trong buổi họp nhưng trong biên bản vẫn có chữ ký của bà X, do vậy biên bản họp gia đình ngày 5-3-2012 là giả mạo, không hợp pháp. Vậy nên biên bản này là không có giá trị pháp lý.

- Khi thực hiện việc cấp GCNQSDĐ, UBND huyện V không thực hiện việc đo đạc, tách thửa đất theo quy định pháp luật. Trích lục bản đồ địa chính không phù hợp thực tế diện tích đất các hộ đang sử dụng dẫn đến NH ông T đã làm và đang ở thì được cấp và thể hiện sang GCNQSDĐ của hộ ông T, ngoài ra giữa các hộ phát sinh tranh chấp phần đất ngõ đi vào thửa đất hộ gia đình bà Nguyễn Thị Thu H.

- Hồ sơ cấp GCNQSDĐ đi kèm không thực hiện công khai, nhất là thủ tục phân chia thừa kế. Từ những sai sót trong quá trình cấp GCNQSDĐ cho hộ ông T và hộ ông T (chồng bà H) nên UBND huyện V đã ban Hành Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 01-8-2023 về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp, đồng thời cũng hướng dẫn gia đình các đương sự thực hiện thủ tục phân chia thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án dân sự của Tòa án N dân huyện V thụ lý số 03/2023/TLST-TCDS ngày 04-01-2023 về tranh chấp quyền sử dụng đất. Do có sự chòng chéo trong việc cấp GCNQSDĐ nên tại “Đơn đề nghị” ngày 18-5-2023 bà H làm đơn đề nghị hủy GCNQSDĐ số BG 445694 do UBND huyện V cấp ngày 18-5-2012 đứng tên hộ ông Nguyễn Ngọc T cùng với vợ bà Nguyễn Thị Thu H. Tại “Đơn đề nghị xin rút đơn khởi kiện” ngày 28-7-2023 đối với vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất trên bà H đồng ý với việc UBND huyện V thu hồi GCNQSDĐ. Ngoài ra, UBND huyện V cũng được bà H cung cấp một tờ đơn xin chia tách quyền sử dụng đất được xác lập từ năm 2005, việc chia tách này chưa được thực hiện theo quy định, diện tích tính không tương thích với kích thước trong sơ đồ. Thời điểm năm 2007 khi đo đạc lập hồ sơ GCNQSDĐ trên địa bàn xã T thì cụ L vẫn đứng tên kê khai T bộ thửa đất và đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ năm 2009.

- Căn cứ khoản 4 Điều 49 Luật đất đai 2003 nêu rõ những trường hợp được thừa kế quyền sử dụng đất, Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 100 luật đất đai 2013 quy định một trong những việc cấp GCNQSDĐ là cần phải có giấy tờ hợp pháp về thừa kế hoặc tặng cho quyền sử dụng đất; căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 luật Đất đai năm 2013 xét thấy hộ gia đình bà H chưa đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ. Ngày 18-5-2012 UBND huyện V đã cấp GCNQSDĐ số BG 445694 đứng tên hộ ông Nguyễn Ngọc T cùng với vợ là Nguyễn Thị Thu H là không đúng trình tự thủ tục và không có căn cứ.

- Căn cứ Điều 132 Nghị định 181/2004/NĐ-CP; căn cứ khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; sau khi nhận được yêu cầu hủy GCNQSDĐ của bà H UBND huyện V đã tiến hành kiểm tra, rà soát và phát hiện có sai phạm trong việc cấp GCNQSDĐ. UBND huyện V đã ban hành thông báo về việc thu hồi đối với GCNQSDĐ đã cấp cho hộ gia đình bà H. Khi đủ thời gian theo quy định của pháp luật, UBND huyện đã ban hành quyết định thu hồi. Trình tự thu hồi GCNQSDĐ số BG 445694 ngày 18-5-2012 đứng tên hộ vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thu H của UBND huyện V là đúng và tuân thủ theo quy định của pháp luật.

[3] Từ những nội dung nêu trên, HĐXX xét thấy việc UBND huyện V ban hành Quyết định 1829/QĐ-UBND ngày 01-8-2023 về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thu H là có cơ sở nên quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh N đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H là có căn cứ pháp luật. Do vậy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H không được chấp nhận.

[4] Về án phí Hình chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí Hình chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 khoản 4 Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 351 Luật tổ tụng Hình chính; Căn cứ khoản 4 Điều 49 Luật đất đai 2003;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 100; điểm d khoản 2 Điều 106 luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 132 Nghị định 181/2004/NĐ-CP;

Căn cứ khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2006/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H đối với yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 01-8-2023 của UBND

huyện V, tỉnh N đã ban Hành về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 445694 do UBND huyện V cấp ngày 18-5-2012 đứng tên hộ ông Nguyễn Ngọc T cùng với vợ là bà Nguyễn Thị Thu H tại địa chỉ xóm 7, xã T, huyện V, tỉnh N có diện tích 511m²; Loại ONT 270m²; đất LNK 92m² (2043); đất LNK 149m² (2013). Vị trí: Thửa 181 tờ bản đồ số 3 bản đồ xã T lập năm 2007.

2. Về án phí Hành chính: Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hành chính sơ thẩm. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0005705 ngày 23-01-2024 của Cục Thi Hành án dân sự tỉnh N, bà H đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh N;
- Cục THADS tỉnh N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Đức C